Phụ lục 57
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ VĨNH ĐIỀU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 2, 8, 16, 29, 30, 31, 12, 25 Phụ lục 57 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL57 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	2	Đường kênh Nông Trường		
		- Từ giáp ranh cụm dân cư Tà Êm đến Kênh HT2	462	Sửa tên đường (Tên cũ: Đoạn qua cụm dân cư Tà Êm tính từ sau mét thứ 200 đến Kênh HT2)
2	8	Đường kênh T3 (bờ Tây): Tính từ (Kênh HT4 đến Kênh 13 (xã Hòa Điền)	200	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh T3 (bờ Tây): Từ mét thứ 91 (hết vị trí 3 đất ở tuyến QL N1) đến Kênh 13 (xã Hòa Điền))
3	16	Cụm dân cư trung tâm xã Vĩnh Phú cũ (ấp Mẹt Lung)	528	Sửa tên đường (Tên cũ: Cụm dân cư trung tâm xã Vĩnh Phú cũ (ấp Mẹt Lung))
4	29	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	304	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL57 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
5	30	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	172	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1		Đường kênh K1 (bờ Bắc): Từ kênh T3 đến kênh K11	275	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	31	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL57 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**BỔ SUNG**			
1		Đất rừng sản xuất		Bổ sung